

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông nhất nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư  
Dự án Khu đô thị dân cư Km7 thuộc khu đô thị Km7,  
phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK  
KHÓA IX, KỲ HỌP BẤT THƯỜNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh về Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 19/TTr-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết thông nhất nội dung chấp thuận đầu tư dự án phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 16/BC-HĐND ngày 04 tháng 5 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông nhất nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Khu đô thị dân cư Km7 thuộc khu đô thị Km7, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự án: Khu đô thị dân cư Km7 thuộc khu đô thị Km7, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột.

2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Đầu tư Phát triển đô thị Đắk Lắk, có địa chỉ: Số 01 đường Nguyễn Văn Linh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

3. Địa điểm, ranh giới, diện tích chiếm đất toàn bộ dự án:

a) Địa điểm: Tại Km7, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

b) Ranh giới sử dụng đất:

- Phía Đông Nam giáp: Đường Nguyễn Chí Thanh và khu dân cư hiện hữu;

- Phía Tây Nam giáp: Đất quy hoạch Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật Đắk Lắk;

- Phía Bắc giáp: Đường Vành đai phía Tây.

c) Diện tích sử dụng đất: 49,41 ha.

4. Mục tiêu của dự án, hình thức đầu tư:

a) Mục tiêu đầu tư: Xây dựng khu dân cư mới theo quy hoạch theo được duyệt, đáp ứng nhu cầu về đất ở của người dân, tạo kiến trúc cảnh quan thành phố Buôn Ma Thuột.

b) Hình thức đầu tư: Xây dựng mới đồng bộ toàn dự án.

5. Nội dung chính của dự án:

| STT        | Tên hạng mục công trình                                                                                 | Diện tích XD (m <sup>2</sup> ) | Mật độ XD (%) | Hệ số sử dụng đất (lần) | Tỷ lệ chiếm đất (%) |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------|-------------------------|---------------------|
| <b>I</b>   | <b>Hạ tầng kỹ thuật</b>                                                                                 | <b>135.013,60</b>              | -             | -                       | <b>27,32</b>        |
| 1          | Đường giao thông                                                                                        | 127.115,68                     | -             | -                       | 25,72               |
| 2          | Bãi đỗ xe công cộng                                                                                     | 7.897,92                       | -             | -                       | 1,60                |
| 3          | Hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, hệ thống cấp điện chung toàn khu vực, hệ thống thu gom rác thải | -                              | -             | -                       | -                   |
| <b>II</b>  | <b>Đầu tư xây dựng các hạng mục nhà ở</b>                                                               | <b>197.252,72</b>              | -             | -                       | <b>39,92</b>        |
| 1          | Nhà ở biệt thự đơn lập, nhà cấp III, cao từ 02-03 tầng                                                  | 39.229,96                      | 50,00         | 1,0÷1,5                 | 7,94                |
| 2          | Nhà ở biệt thự song lập, nhà cấp III, cao từ 02-03 tầng                                                 | 17.898,38                      | 70,00         | 1,4÷2,1                 | 3,62                |
| 3          | Nhà liên kế, nhà cấp III, cao từ 03-04 tầng                                                             | 30.085,50                      | 80,00         | 2,4÷3,2                 | 6,09                |
| 4          | Nhà phố thương mại, nhà cấp III, cao từ 03-05 tầng                                                      | 72.206,48                      | 80,00         | 2,4÷4,0                 | 14,61               |
| 5          | Nhà chung cư xã hội nhà cấp III, cao từ 07-07 tầng.                                                     | 37.832,40                      | 40,00         | 2,0÷2,8                 | 7,66                |
| <b>III</b> | <b>Đầu tư xây dựng hạng mục công trình thương mại dịch vụ hỗn hợp</b>                                   | <b>23.177,04</b>               | -             | -                       | <b>4,69</b>         |
| 1          | Công trình thương mại - dịch vụ, cấp II, cao từ 05-09 tầng.                                             | 8.954,11                       | 40,00         | 2,0÷3,6                 | 1,81                |
| 2          | Công trình hỗn hợp, cấp II, cao từ 07-15 tầng.                                                          | 14.222,93                      | 40,00         | 2,8÷6,0                 | 2,88                |
| <b>IV</b>  | <b>Công trình hạ tầng xã hội:</b>                                                                       | <b>138.705,12</b>              | -             | -                       | <b>28,07</b>        |
| 1          | Công trình công cộng, cấp III, cao từ 02-03 tầng.                                                       | 15.929,95                      | 40,00         | 0,8÷1,2                 | 3,22                |
| 2          | Đất cây xanh công viên                                                                                  | 86.379,17                      | -             | -                       | 17,48               |
| 3          | Đất Thể dục thể thao                                                                                    | 21.594,00                      | -             | -                       | 4,37                |
| 4          | Đất mặt nước                                                                                            | 14.802,00                      | -             | -                       | 3,00                |
|            | <b>Tổng cộng:</b>                                                                                       | <b>494.148,48</b>              | -             | -                       | <b>100,00</b>       |

6. Tổng mức đầu tư : 1.989 tỷ đồng (*bằng chữ: Một ngàn chín trăm tám mươi chín tỷ đồng*).

Nguồn vốn đầu tư của chủ đầu tư 20% và vốn vay các tổ chức tín dụng 80%.

7. Phương thức giao đất, cho thuê đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và các quy định hiện hành khác có liên quan.

8. Các công trình hạ tầng chủ đầu tư được quản lý hoặc phải chuyển giao cho Nhà nước sau khi hoàn thành việc xây dựng: Sau khi đầu tư xây dựng hoàn thiện đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật và đấu nối với hệ thống chung khu vực, Chủ đầu tư có trách nhiệm lập hồ sơ chuyển giao Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột quản lý theo quy định.

9. Thời gian thực hiện dự kiến: 07 năm (2019-2025).

a) Giai đoạn chuẩn bị đầu tư: 23 tháng

b) Giai đoạn thực hiện đầu tư:

- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật: 13 tháng.

- Xây dựng các công trình của dự án: 46 tháng.

c) Giai đoạn hoàn thiện hồ sơ bàn giao hạ tầng kỹ thuật: 02 tháng

10. Các cơ chế hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước đối với dự án và điều kiện áp dụng: Dự án được hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa IX, Kỳ họp bất thường thông qua ngày 06 tháng 5 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 5 năm 2019./.

**CHỦ TỊCH**

**Y Biêr Niê**